

**CÔNG TY TNHH ISPTC VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ISPTC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ISPTC VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ISPTC VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110732849

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4 Ngõ 259, Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                      | 4659     |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663     |
| 3.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                            | 4711     |
| 4.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                            | 4719     |
| 5.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4721     |
| 6.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4722     |
| 7.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4723     |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn<br>thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4741     |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4742     |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây<br>dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                       | 4752     |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất<br>tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được<br>phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu<br>động hoặc tại chợ                                                                                           | 4781     |
| 13. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại<br>chợ                                                                                                         | 4783     |
| 14. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                           | 4784     |
| 15. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không<br>kèm người điều khiển                                                                                             | 7730     |

|     |                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 17. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại cấm)                                                                                                 | 4690(Chính) |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)              | 4610        |
| 19. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                              | 4620        |
| 20. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                      | 4631        |
| 21. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                  | 4632        |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                    | 4633        |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                | 4641        |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                                      | 4649        |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651        |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                  | 4652        |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653        |

6. **Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HỮU VIỆT | Việt Nam  | Số 4 Ngõ 259, Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam     | 200.000.000           | 10,000    | 040090000021                                                                                            |         |
| 2   | PHAN THỊ MINH   | Việt Nam  | P2626 CT12A KĐT Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.800.000.000         | 90,000    | 040188014072                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HỮU VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/03/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040090000021

Ngày cấp: 05/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 4 Ngõ 259, Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 4 Ngõ 259, Phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội